Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016
# Mục Lục

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nội dung</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thông tin chung</td>
<td>1 - 2</td>
</tr>
<tr>
<td>Báo cáo của Ban Điều hành</td>
<td>3</td>
</tr>
<tr>
<td>Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ</td>
<td>4</td>
</tr>
<tr>
<td>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</td>
<td>5 - 7</td>
</tr>
<tr>
<td>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</td>
<td>8</td>
</tr>
<tr>
<td>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ</td>
<td>9 - 10</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ</td>
<td>11 - 61</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại có phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.


Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngân, trung và đầu hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngân, trung và đầu hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho giải đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Họ và tên</th>
<th>Chức vụ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Ông Hồ Hùng Anh</td>
<td>Chủ tịch</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Đăng Quang</td>
<td>Phó Chủ tịch thứ nhất (từ ngày 25/3/2016)</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Thùi Quang</td>
<td>Thành viên (đến ngày 24/3/2016)</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Cạnh Sơn</td>
<td>Phó Chủ tịch</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Đỗ Tuấn Anh</td>
<td>Phó Chủ tịch</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Lee Boon Huat</td>
<td>Thành viên</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Doan Hùng</td>
<td>Thành viên đọc lập</td>
</tr>
</tbody>
</table>

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho giải đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Họ và tên</th>
<th>Chức vụ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Ông Hoàng Huy Trung</td>
<td>Trưởng ban kiểm thành viên chuyên trách</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Mag Rec Soc Oec</td>
<td>Thành viên</td>
</tr>
<tr>
<td>Romauch Hannes</td>
<td>Thành viên chuyên trách</td>
</tr>
<tr>
<td>Bà Nguyễn Thu Hiền</td>
<td>Thành viên</td>
</tr>
<tr>
<td>Bà Bùi Thị Hồng Mai</td>
<td>Thành viên</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Hộp và tên</th>
<th>Chức vụ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Lê Quốc Anh</td>
<td>Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành (từ ngày 1/3/2016)</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Yuldashev Murat</td>
<td>Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2016)</td>
</tr>
<tr>
<td>Meshrapovich</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Đỗ Tuấn Anh</td>
<td>Phó Tổng Giám đốc</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Phạm Quang Thắng</td>
<td>Phó Tổng Giám đốc kiểm tra Giám đốc Khách hàng Toàn tỉnh, hoạt động và Pháp chế</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Đăng Thanh</td>
<td>Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp (đến ngày 1/6/2016)</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Nguyễn Cánh Vinh</td>
<td>Giám đốc Khách hàng Bán buôn</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Vikesh Mirani</td>
<td>Giám đốc Tài chính Tổng doanh</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Phan Thanh Sơn</td>
<td>Giám đốc Quản lý nguồn vốn và Thị trường Tài chính</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Phùng Quang Hùng</td>
<td>Giám đốc Khách hàng Bán hàng và Khối phân phối</td>
</tr>
<tr>
<td>Bà Phạm Vũ Minh Dan</td>
<td>Giám đốc Quản trị nguồn nhân lực</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Lê Bá Dũng</td>
<td>Giám đốc Khách hàng Rủi ro</td>
</tr>
<tr>
<td>Bà Lê Thị Bích Phương</td>
<td>Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cà nhân</td>
</tr>
<tr>
<td>Bà Nguyễn Thị Văn Anh</td>
<td>Giám đốc Khách hàng Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu</td>
</tr>
<tr>
<td>Ông Chester Gorski</td>
<td>Giám đốc Khách hàng và Công nghệ</td>
</tr>
</tbody>
</table>

NGƯỜI ĐẠI DIỄN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Ông Hồ Hữu Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.


KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hậu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

BÁO CĂO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giai đoạn 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề từng giai đoạn phát hành trung thực và hợp lý tính hình tài chính riêng giữ nguyên đề, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữ nguyên đề và tính hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữ nguyên đề của Ngân hàng trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và uóc tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lêch trong yếu tố không những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục từ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện các sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tính hình tài chính riêng giữ nguyên đề của Ngân hàng, với mục đích chính xác hợp lý, tài bì ké thời điểm náu và đảm bảo rằng các sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu về trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề kiểm theo.

CÔNG BỘ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề kiểm theo phát hành trung thực và hợp lý tính hình tài chính riêng giữ nguyên đề của Ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữ nguyên đề và tính hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữ nguyên đề cho giai đoạn tài chính sau thẳng kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữ nguyên đề.

Thay mặt:

[Signature]

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016
BÁO CÁO SOÁT XẾT BÁO CÁO TÁI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐO

Kính gửi: Các cõ động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỳ thương Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỳ thương Việt Nam ("Ngân hàng"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, báo gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định lại cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là dựa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam và hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, cuộc họp và thực hiện các cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trong yêu cầu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Thế nên, chúng tôi không dựa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Cần có trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được kể từ năm 2016, kết từ hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tính hình lực lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày phụ hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN/EKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016
<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Tên tài sản</th>
<th>30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>31/12/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>5</td>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>2.840.091</td>
<td>2.754.282</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (&quot;NHNN&quot;)</td>
<td>3.432.654</td>
<td>2.675.509</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (&quot;TCTD&quot;) khác</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7.1</td>
<td>Tiền gửi tại các TCTD khác</td>
<td>7.604.524</td>
<td>7.436.188</td>
</tr>
<tr>
<td>7.2</td>
<td>Cho vay các TCTD khác</td>
<td>10.395.576</td>
<td>7.274.537</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Chứng khoán kinh doanh</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8.1</td>
<td>Chứng khoán kinh doanh</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8.1.1</td>
<td>Chứng khoán kinh doanh</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Cho vay khách hàng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9.1</td>
<td>Cho vay khách hàng</td>
<td>128.239.331</td>
<td>112.609.339</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Đ Girlfriend ro cho vay khách hàng</td>
<td>(1.433.520)</td>
<td>(1.171.134)</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>Chứng khoán đầu tư</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>11.1</td>
<td>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</td>
<td>38.950.046</td>
<td>38.528.012</td>
</tr>
<tr>
<td>11.2</td>
<td>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</td>
<td>6.535.460</td>
<td>6.902.350</td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>Góp vốn, đầu tư dài hạn</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>12.1</td>
<td>Góp vốn, đầu tư dài hạn</td>
<td>2.758.440</td>
<td>2.775.905</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>Tài sản cố định</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>13.1</td>
<td>Tài sản cố định hưu hinh</td>
<td>593.432</td>
<td>521.734</td>
</tr>
<tr>
<td>13.2</td>
<td>Tài sản cố định vô hưu hinh</td>
<td>948.043</td>
<td>337.247</td>
</tr>
<tr>
<td>14</td>
<td>Tài sản cố khác</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>14.1</td>
<td>Các khoản phải thu</td>
<td>6.823.844</td>
<td>10.122.737</td>
</tr>
<tr>
<td>14.2</td>
<td>Các khoản tài, phí phải thu</td>
<td>4.332.038</td>
<td>3.037.052</td>
</tr>
<tr>
<td>15</td>
<td>Tài sản cố khác</td>
<td>516.891</td>
<td>551.421</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bộ khác</td>
<td>(1.673.178)</td>
<td>(2.586.740)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>Tổng Tài Sản</strong></td>
<td><strong>212.887.169</strong></td>
<td><strong>192.375.411</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>NỢ PHẢI TRẢ</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi và vay các TCTD khác</td>
<td>15</td>
<td>31.496.536</td>
<td>21.040.990</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi của các TCTD khác</td>
<td>15.1</td>
<td>23.486.692</td>
<td>8.374.207</td>
</tr>
<tr>
<td>Vay các TCTD khác</td>
<td>15.2</td>
<td>8.010.844</td>
<td>12.666.783</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi của khách hàng</td>
<td>16</td>
<td>151.465.084</td>
<td>143.301.072</td>
</tr>
<tr>
<td>Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác</td>
<td>17</td>
<td>139.517</td>
<td>85.891</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn tài trợ, úy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro</td>
<td>18</td>
<td>558.006</td>
<td>336.421</td>
</tr>
<tr>
<td>Phát hành giấy tờ có giá</td>
<td>19</td>
<td>8.050.395</td>
<td>8.184.896</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản nợ khác</td>
<td>20</td>
<td>4.405.662</td>
<td>3.746.013</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản lãi, phí phải trả</td>
<td></td>
<td>2.490.765</td>
<td>2.090.360</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải trả và công nợ khác</td>
<td>1.914.897</td>
<td>1.655.653</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</strong></td>
<td></td>
<td>196.116.200</td>
<td>176.695.283</td>
</tr>
<tr>
<td>VÓN CHỦ SỞ HỮU</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn</td>
<td></td>
<td>8.878.079</td>
<td>8.878.079</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn điều lệ</td>
<td></td>
<td>8.878.079</td>
<td>8.878.079</td>
</tr>
<tr>
<td>Các quý</td>
<td></td>
<td>4.586.383</td>
<td>4.586.508</td>
</tr>
<tr>
<td>Chênh lệch tỷ giá hội doi</td>
<td></td>
<td>10.305</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận chưa phân phối</td>
<td></td>
<td>3.297.202</td>
<td>2.215.541</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>TỔNG VÓN CHỦ SỞ HỮU</strong></td>
<td>22</td>
<td>16.771.969</td>
<td>15.680.128</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VÓN CHỦ SỞ HỮU</strong></td>
<td>22</td>
<td>212.887.169</td>
<td>192.375.411</td>
</tr>
</tbody>
</table>
# Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

**BẢNG CÁO ĐỐI KẾ TOÁN RIENG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)**

_tái ngày 30 tháng 6 năm 2016_

## CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÁO ĐỐI KẾ TOÁN RIENG GIỮA NIÊN ĐO

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Nghiê vụ nợ tiềm ẩn</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Bảo lãnh vay vốn</td>
<td>6.606</td>
<td>3.898</td>
</tr>
<tr>
<td>Cam kết giao dịch hồi doai</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Cam kết mua ngoại tệ</td>
<td>1.725.542</td>
<td>1.819.562</td>
</tr>
<tr>
<td>- Cam kết bán ngoại tệ</td>
<td>1.238.771</td>
<td>659.092</td>
</tr>
<tr>
<td>Cam kết giao dịch hoãn đổi tiền tệ</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</td>
<td>32.184.515</td>
<td>22.618.252</td>
</tr>
<tr>
<td>Bảo lãnh khác</td>
<td>10.131.152</td>
<td>9.310.047</td>
</tr>
<tr>
<td>Các cam kết khác</td>
<td>11.741.324</td>
<td>9.215.883</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>20.661.550</td>
<td>12.062.100</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td>77.689.460</td>
<td>55.688.834</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: [Signature]

Người phê duyệt: [Signature]

Bà Bùi Thị Khánh Vân  
Kế toán Trưởng

Bà Thái Hà Linh  
Giám đốc Kế toán,  
Chính sách Tài chính và Thuế,  
Khối Tài chính và Kế hoạch

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
phủ trách điều hành

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO
cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thuế minh</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</td>
<td>23 7.792.679</td>
<td>6.780.377</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</td>
<td>24 (3.595.169)</td>
<td>(3.167.820)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập lãi thuận</td>
<td>4.197.510</td>
<td>3.612.557</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</td>
<td>800.891</td>
<td>671.490</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí hoạt động dịch vụ</td>
<td>(238.479)</td>
<td>(236.294)</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi thuận từ hoạt động dịch vụ</td>
<td>25 562.412</td>
<td>435.196</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi thuận từ hoạt động kinh doanh ngoài hiện</td>
<td>26 87.738</td>
<td>10.873</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi thuận từ mua bán chứng khoán kinh doanh</td>
<td>27 36.797</td>
<td>40.230</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi thuận từ mua bán chứng khoán đầu tư</td>
<td>28 152.598</td>
<td>74.079</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động khác</td>
<td>702.476</td>
<td>1.079.737</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí hoạt động khác</td>
<td>(221.415)</td>
<td>(625.965)</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi thuận từ hoạt động khác</td>
<td>29 481.061</td>
<td>453.772</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</td>
<td>30 162.789</td>
<td>7.245</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí hoạt động</td>
<td>(1.866.535)</td>
<td>(1.594.158)</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận thuận từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</td>
<td>3.814.370</td>
<td>3.039.794</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</td>
<td>32 (2.502.608)</td>
<td>(2.159.670)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng lợi nhuận trước thuế</td>
<td>1.311.762</td>
<td>880.124</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí thuế TNDN hiện hành</td>
<td>21.1 (230.101)</td>
<td>(192.034)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí thuế TNDN</td>
<td>(230.101)</td>
<td>(192.034)</td>
</tr>
<tr>
<td>Lợi nhuận sau thuế</td>
<td>1.081.661</td>
<td>688.089</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2016
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐOẠN**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thuế minh</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 trả thuế</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 trả thuế</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được</td>
<td>6.497.693</td>
<td>6.508.991</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả</td>
<td>(3.194.764)</td>
<td>(3.171.039)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được</td>
<td>562.412</td>
<td>448.149</td>
</tr>
<tr>
<td>Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (nơi khác, vào ngân hàng)</td>
<td>270.414</td>
<td>125.182</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập khác</td>
<td>397.771</td>
<td>109.266</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý lõa bù, đã đáp ứng nguồn dự phòng riêng rối ro</td>
<td>83.290</td>
<td>331.553</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ</td>
<td>(1.670.333)</td>
<td>(1.404.526)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thu thuế nhập thuế nộp trong kỳ</td>
<td>(166.249)</td>
<td>(146.252)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh**

| Trừu những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | 2.780.234 | 2.801.324 |

**Những thay đổi về tài sản hoạt động**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác</td>
<td>(3.099.383)</td>
<td>(582.517)</td>
</tr>
<tr>
<td>(Tăng/giảm các khoản vay của kinh doanh chứng khoán)</td>
<td>(1.410.209)</td>
<td>10.603.431</td>
</tr>
<tr>
<td>(Tăng/cảm các khoản cho vay khách hàng)</td>
<td>(15.729.992)</td>
<td>(10.599.791)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm nguồn dự phòng đã bù đáp tiền thuế các khoản tiền dùng, chứng khoán, đầu tư đại hạn, phát thu khác</td>
<td>(2.909.546)</td>
<td>(976.974)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác về tài sản hoạt động</td>
<td>3.248.129</td>
<td>437.827</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Những thay đổi về công nợ hoạt động**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD</td>
<td>10.455.546</td>
<td>(884.311)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng</td>
<td>8.164.012</td>
<td>(2.697.511)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (nơi trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)</td>
<td>(134.501)</td>
<td>222.940</td>
</tr>
<tr>
<td>(Tăng)/(giảm) vốn tài trợ, ưu đãi đầu tư, cho vay, chi gửi rối ro</td>
<td>221.568</td>
<td>(6.861)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng các công cụ tài chính phát sinh và các khoản nợ tài chính khác</td>
<td>53.626</td>
<td>145.314</td>
</tr>
<tr>
<td>(Tăng)/(giảm) khoản vay công nợ hoạt động</td>
<td>195.392</td>
<td>(84.420)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi từ các quý</td>
<td>(125)</td>
<td>(756)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh (sử dụng trong hoạt động kinh doanh)**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1.834.768</td>
<td>(1.582.125)</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Mua sản tài sản cố định</td>
<td>(793.490)</td>
<td>(53.226)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</td>
<td>301</td>
<td>271</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</td>
<td>(791)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thu (chit) từ đầu tư, góp vốn vào các doanh nghiệp khác</td>
<td>17.100</td>
<td>(1.677)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thu có tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn đại hạn</td>
<td>162.789</td>
<td>7.245</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Lưu chuyển tiền thuận sử dụng trong hoạt động đầu tư**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giao doán từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giao doán từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>(614.091)</td>
<td>(47.387)</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>
BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỌC (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

<table>
<thead>
<tr>
<th>Luôn chuyển tiền thuận trong kỳ</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>1/1/2016 đến 30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>1/1/2015 đến 30/6/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1.220.677</td>
<td>1.629.512</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</td>
<td>10.305</td>
<td>(9.747)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</td>
<td>12.705.564</td>
<td>18.065.168</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ 33</td>
<td>13.936.546</td>
<td>16.425.909</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: Bùi Thị Khánh Văn
Kế toán trưởng

Người phê duyệt: Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐO
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC DIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại có phạm vi hoạt động và đăng ký tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động


Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngân, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngân, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Vốn Cổ phần


Mạng lưới Hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trạm mười hai (312) điểm giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng có bốn (04) công ty con như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Tên Công ty</th>
<th>Giấy phép hoạt động</th>
<th>Lĩnh vực hoạt động</th>
<th>Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</td>
<td>98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008</td>
<td>Các hoạt động chứng khoán</td>
<td>100%</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam</td>
<td>0104/003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008</td>
<td>Quản lý nợ và khai thác tài sản</td>
<td>100%</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương</td>
<td>40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008</td>
<td>Quản lý quỹ</td>
<td>100%</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Công ty Thái chính TNHH MTV Kỹ thương</td>
<td>340/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29/12/2008</td>
<td>Tài chính – Tin dụng</td>
<td>100%</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Nhân viên

Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

2. KÝ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIÊN TẾ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Ký kế toán

Niên độ kế toán của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Ký kế toán giữ niên độ của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.2 Đơn vị tiến tế sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiến tế sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (VND) và được làm tròn đến hàng triệu đồng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn muc Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, bằng căn đổi kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không đánh cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thực tế, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tính hữu ích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính


- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn muc kế toán Viết Nam (dựt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn muc kế toán Viết Nam (dựt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn muc kế toán Viết Nam (dựt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn muc kế toán Viết Nam (dựt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn muc kế toán Viết Nam (dựt 5).
3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (liệp theo)

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giá định hành hướng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giá định này cũng hành hướng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giá định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÔM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU

4.1 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chủ to dự toán, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biết đến hướng thuận theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.2 Tiến và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tiền phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác được điều kiên tài chất liệu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không khi hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày giải ngân và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.3 Tiến gửi và chê vay các TCTD khác

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và chê vay các tổ chức tín dụng khác và trách nhiệm thông tông được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trách nhiệm pháp trách nhiệm fone rủi ro và việc sử dụng fone rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Theo đó, Ngân hàng trách nhiệm lập dự phòng dự tính cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và chê vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nào tại Thuyết minh 4.5.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trách nhiệm lập dự phòng chê vay đối với các khoản tiền gửi và chê vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 Các khoản chê vay khách hàng

Các khoản chê vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản chê vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.5.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TẠI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
trại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

4. TÔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ỷ thế chấp mua trái phiếu doanh nghiệp chửa niêm yết, cho vay khách hàng và ỷ thế chấp tài chính

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ỷ thế chấp mua trái phiếu doanh nghiệp chửa niêm yết, cho vay khách hàng và ỷ thế chấp tài chính (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng dự theo ngày 30 tháng 6 được xác định bằng dự nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 5.

Tỷ lệ dự phòng ụ đề đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhóm nợ</th>
<th>Tình trạng quá hạn</th>
<th>Tỷ lệ dự phòng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1 Nợ dự liệu chuẩn</td>
<td>(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cổ nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.</td>
<td>0%</td>
</tr>
<tr>
<td>2 Nợ cần chú ý</td>
<td>(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.</td>
<td>5%</td>
</tr>
</tbody>
</table>
| 3 Nợ dưới tiêu chuẩn | (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian được 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:  
  - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc
  - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc
  - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra. | 20% |
4. Tóm tắt các chính sách ké toàn chủ yếu (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mục đích, phương pháp tích lũy dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (tiếp theo)

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhóm nợ</th>
<th>Tính trạng quá hạn</th>
<th>Thời gian dự phòng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>4. Nợ nghỉ ngơi</td>
<td>(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc</td>
<td>50%</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(b) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu qua hạn duy trì 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(c) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(d) Khoản nợ quy định tại điểm (c) của nhóm Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5. Nợ có khả năng mất vốn</td>
<td>(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc</td>
<td>100%</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(b) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu qua hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(c) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(d) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa quay hạn hoặc đã quay hạn; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nhóm Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>(g) Nợ của khách hàng lô tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhận hàng nguồn ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ cơ cấu lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng thực hiện tích lũy dự phòng chung tại thời điểm ngày 30 tháng 6 với mức bằng 0,75% tổng số dư tài ngày 31 tháng 5 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.
THUYẾT MINH BÁO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIiswa NIỆN ĐÔ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau thảm kết thúc cùng ngày

4. **TÔM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YỂU (tiếp theo)**

4.6 **Chứng khoán kinh doanh**

4.6.1 **Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán kỳ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.6.2 **Đo lượng**

Chứng khoán kỳ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niêm đồ kế toán.

Chứng khoán kỳ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.5.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ảnh theo giá gốc trong thời gian nhằm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được tránh lập dự phòng.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự biến động kinh tế quan trọng xác định ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lại hoặc lỡ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng niêm đồ.

4.6.3 **Đồng giá nhận**

Chứng khoán kinh doanh được đồng giá nhận khi các quyền lợi nhận các lương tiền từ các chứng khoán này đã chậm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 **Chứng khoán đầu tư**

4.7.1 **Phân loại**


Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán kỳ có kỳ hạn có định và các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán kỳ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không án định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.
THUYẾT MINH BÁO CÃO TÀI CHÍNH RIÊNG GIÁV'A NIÊN ĐÔ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

4. TÔM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

4.7.2 Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lơn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7.3 Do lượng

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chiều tăng động của việc phân phối giá trị chiết khấu và giá trị phát triển) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phát triển và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giờ niên dopo theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sánh sáp để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giờ niên dopo trên cơ sở đơn tách.

Chứng khoán nợ sánh sáp để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính dựa trên tỷ suất lợi tức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên dopo kế toán.

Đối với chứng khoán nợ doanh nghiệp chưa niêm yết: dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo quy định của Thông tư 02 như được đề cập tại Thuyết minh 4.5.


4.8 Trai phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trai phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trai phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mGrant giá vào ngày giao dịch và luôn được phân ănh theo mGrant giá trong thời gian nhận niêm yết. MGrant giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ rủi ro đã được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trách lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nhận niêm yết trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toàn và trách lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giờ niên dopo trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng". Trai phiếu đặc biệt này không phải trách lập dự phòng chung.
4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÀN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai van được khi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đã vay trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và phân chê lợi giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và phân chê lợi giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo lãi suất hợp đồng.

4.10 Các khoản đầu tư dài hạn

4.10.1 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hợp đồng của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được phân ứng theo nguyên giá trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Phân phối lợi nhuận thuần lũy kế phải tính từ ngày đầu tư vào các công ty con được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4.10.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Ngân hàng không nhận quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận bản đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

4.10.3 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng đều là các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và không xác định được giá trị hợp lý một cách tin cậy tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác, do vậy, được lập trong trường hợp cổ phiếu chênh lệch và khoảng giá giao dịch (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng (theo mệnh giá) thì tiết kiệm tính. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sau cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.
4. TÔM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.11 Tài sản có định hữu hình

4.11.1 Nguyên giá

Tài sản có định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lấy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản có định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khấu phục hiện trường tại điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản có định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trưởng hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản có định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản có định hữu hình.

4.11.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản có định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc: 8 - 50 năm
- máy móc thiết bị: 3 - 10 năm
- phương tiện vận tải: 6 - 10 năm
- tài sản có định khác: 4 - 10 năm

4.12 Tài sản có định vô hình

4.12.1 Phân mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phân mềm vi tính này không phải là một bộ phần không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản có định vô hình. Háo mòn phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.

4.12.2 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển những hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiện thuê đất đã được trả trước cho thời hạn đại hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lấy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

4.12.3 Tài sản có định vô hình khác

Tài sản có định vô hình khác được phân ấn thể theo nguyên giá trừ đi hao mòn lấy kế. Háo mòn lấy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.
4. TÔM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.13 Các khoản thanh toán cho thuê hoat động

Các khoản thanh toán cho thuê hoat động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niêm dỗ theo phương pháp đương thằng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niêm dỗ như một bỗ phần hợp thành của tổng chi phí thuê.

4.14 Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phân ảnh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ qua hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm thay từ việc tận tình pha sản hoặc đang làm thay từ việc giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phải thu được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng dựa trên thời gian quá hạn theo hưởng dân của Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thời gian quá hạn</th>
<th>Mức trích dự phòng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Từ trên 1 tháng đến dưới một năm</td>
<td>30%</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ một năm đến dưới hai năm</td>
<td>50%</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ hai năm đến dưới ba năm</td>
<td>70%</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ ba năm trở lên</td>
<td>100%</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền

Đối với nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, Ngân hàng phân loại và trích lập dự phòng theo nguyên tắc phân loại nợ và xác định giá trị tài sản đảm bảo như trước khi bán nợ theo Thông tư 02 và Thông tư 09.

4.15 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng phát hành cho phép trái chủ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông với một số lượng nhất định của Ngân hàng tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi. Do đó, việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc có mức sao ngày phát hành sẽ có ảnh hưởng tới giá chuyển đổi và số lượng cổ phiếu sẽ được chuyển đổi vào ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi do các điều khoản chính phả looph của trái phiếu chuyển đổi.

Ngân hàng phân loại trái phiếu chuyển đổi là nợ tài chính. Trái phiếu chuyển đổi được phân làm hai loại: (1) trái phiếu chuyển đổi bất buộc khi các trái chủ có cam kết chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn và (2) trái phiếu chuyển đổi thông thường khi các trái chủ có quyền chuyển đổi tại ngày đáo hạn. Các lãi_dropdown_decimal_32_10.0 trong được phân loại là nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niêm dỗ.

Cho mục đích tính bay bảo cáo tài chính riêng giữa niêm dỗ theo yêu cầu của Thông tư 49/2014/TT-NHN, câu phân vốn và câu phân nợ của trái phiếu chuyển đổi được xác định và trình bày tại Thuyết minh số 22.3.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐỞ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.16 Vốn cổ phần

4.16.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giải phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

4.16.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, thành lập giữa giải phát hành và mến nghĩa cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.16.3 Các quy và dự trừ

Ngành hàng thực hiện trích lập các quy dự trừ sau đây theo Luật các Tổ chức Tin dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/ND-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Quỹ bổ sung vốn cổ phần</th>
<th>Tuệ lệ phân trả của lãi nhuận sau thuế</th>
<th>Mức tối đa</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>5,00%</td>
<td>100,00%</td>
<td>25,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Quỹ dự phòng tài chính</td>
<td>10,00%</td>
<td>26,00%</td>
</tr>
</tbody>
</table>


4.17 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.17.1 Thu nhập lại

Thu nhập lại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở đơn tiền, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 3 đến nhóm 5 như trong Thuyết minh 4.5 được ghi nhận khi Ngân hàng thực thu được.

4.17.2 Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn tiền.

4.17.3 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát hành cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận được đăng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu năm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

21
Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN DO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

4. TỔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÀN CHÚ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu và chi phí (tiếp theo)

4.17.4 Doanh thu và chi phí mua bán nợ


Theo hướng dẫn tại Quyết định 59/2006/QĐ-NHNN và Thông tư 09/2015/TT-NHNN, phần chính lẽ chính của giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bệnh mua nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bộ:
  - Trường hợp gián đoạn bán nợ vay chỉ ghi sổ khoản nợ thì phân chính lịch cách bán nợ được hạch toán vào thu nhập trong kỳ kế toán của Ngân hàng;
  - Trường hợp gián đoạn bán nợ vay chỉ phân chính lịch cách bán nợ được bảo đảm từ tài sản dự phòng rủi ro đã được tích lũy trong chi phí, phần còn lại được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong kỳ.

- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bang, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngân hàng cần đối kế toán, thì sổ tiền bản khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán, gồm giá trị ghi sổ đủ dược ghi, đủ nợ lại của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bộ, ngoại bang; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bang hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngân hàng cần đối kế toán riêng giữa niềmm độ.

Giá mua, bán nợ là sổ tiền bản mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Chỉ phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niềmm độ theo cơ sở dự chi.

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tắc. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cần đối kế toán riêng giữa niềmm độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá tài sản và cổ tức bằng ngoại tệ sang VND trong kỳ được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá đổi đời" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niềmm độ và được kết chuyển hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm cuối năm tài chính.
4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập liên kết và thuế thu nhập hoan lai. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập liên kết là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thuế chịu thu trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoan lai được tính theo phương pháp bằng căn đối kế toán cho các chính sách lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và giá trị xác định theo mức đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoan lai được ghi nhận dựa trên cách thuế thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoan lai chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dự đoán trước với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoan lai được ghi giảm khi không còn chắc chắn thủ tục được các lợi ích về thuế liên quan này.

4.20 Tài sản ửy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ửy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vi thể không được báo gom trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng.

4.21 Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tài bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thu lãi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cấp các báo lãi tài chính và thu tín dụng đã báo lãi đã thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bốn thứ ba. Nhiều khoảng cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ phát hành mà không phải sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoảng cam kết và nợ tiềm ẩn này không phải án phạt luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

4.22 Dự phòng cho các cam kết ngoài bằng

Cam kết ngoài bằng bao gồm các khoản báo lãi, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không huy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoài bằng được thực hiện chỉ nhóm mức đích quản lý, giảm sát chia luồng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.5.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoài bằng.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

4. TÔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.23 Các công cụ tài chính phát sinh

4.23.1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối ký hạn và hoàn đổi nhằm tạo điều kiện cho khách
hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời
phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng ký hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương
lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính theo số tiền gốc
dánh nghĩa. Các hợp đồng ký hạn được ghi nhận theo giá trị đánh nghĩa tại ngày giao dịch
dựng, đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo tỷ giá tại
thời điểm kết thúc niên độ kế toan. Lãi hoặc lỗ do hiệu chuẩn thực hiện được ghi nhận vào
báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Các hợp đồng hoàn đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong
tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính theo số tiền
 gốc đánh nghĩa. Số tiền phụ trợ hoặc chịu khô đầu chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiểu
lúc của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn được ghi nhận tại ngày giao dịch. Các hợp đồng như một khoản mục tài sản nêu trong hoạt động khống khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng
cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp
dường thường vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời hạn của hợp
don hoạt mãi.

4.23.2 Các hợp đồng hoàn đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoàn đổi lãi suất không được ghi nhận trên
bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chênh lệch lãi suất hoàn đổi được ghi nhận vào
báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn tính.

4.23.3 Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa
tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán
riêng giữa niên độ. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết
qua hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4.24 Cân trữ(bù trừ)

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế
toàn riêng giữa niên độ chỉ khi Ngân hàng có quyền pháp lập thể hiện việc bù trừ và
Ngân hàng đủ định tính toàn tài sản và nợ phải trả thể hiện giá trị ròng hoặc việc tài toàn tài
sản và nợ phải trả xây ra động thời.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIÃ NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau thang kết thúc cùng ngày

4. TÔM TÁT CÁC CHỊNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.25 Lợi ích của nhân viên

4.25.1 Trở cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhân trở cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.25.2 Trở cấp thời việc

Theo Điều 48 Bổ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chỉ trả trở cấp thời việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi nam làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các trở cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thời việc. Trừ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trở cấp thời việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sa thải gần nhất tính đến thời điểm người lao động thời việc.

4.25.3 Trở cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tổng cộng bảo hiểm thất nghiệp của tổng người lao động để đóng cúc lương vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.26 Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tần quan trong của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.26.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- tài sản được mua chênh yếu chỉ mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phải sinh (ngoài trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tài thể điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xem tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày

4. TỔM TÁT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.26 Các công cụ tài chính (tiếp theo)

4.26.1 Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phải sinh lợi với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn tại đúng định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoài trừ:

- các tài sản tài chính mà tài thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phải sinh lợi với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoài trừ:

- các khoản mà có kỳ đáo hạn ngân hoặc sổ bản trong tương lai gần được phân loại là tài sản năm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tài thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà có thể không thu hồi được phân lơn giá trị tái đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phải sinh lợi được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.26.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tại tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm năm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm năm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lai trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ do nhóm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phải sinh (ngoai trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngự rủi ro hiệu quả).
- Tài thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
4. TÓM TÀI CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÀN CHỦ YÊU (tiếp theo)

4.26 Các công cụ tài chính (tiếp theo)

4.26.2 Ngữ phải trả tài chính (tiếp theo)

Ngữ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bố

Các khoản ngữ phải trả tài chính không được phân loại là ngữ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sẽ được phân loại là ngữ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bố.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.27 Các khoản mục không có số dư

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TẠI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN MẠT, VÀNG BẠC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền mặt bằng VND</td>
<td>2.160.058</td>
<td>2.290.272</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt bằng ngoại tệ</td>
<td>647.688</td>
<td>432.421</td>
</tr>
<tr>
<td>Vàng tiền tệ</td>
<td>32.365</td>
<td>31.589</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>2.840.091</strong></td>
<td><strong>2.754.282</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi toàn tại NHNN</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng VND</td>
<td>3.432.507</td>
<td>2.083.673</td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng ngoại tệ</td>
<td>147</td>
<td>591.836</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>3.432.654</strong></td>
<td><strong>2.675.509</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bất buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bất buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dự trữ nội tại tài khoản dự trữ bất buộc. Số dư bình quân dự trữ bất buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bất buộc nhận với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tỷ lệ dự trữ bất buộc</th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng</td>
<td>8,00%</td>
<td>8,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên</td>
<td>6,00%</td>
<td>6,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng</td>
<td>3,00%</td>
<td>3,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên</td>
<td>1,00%</td>
<td>1,00%</td>
</tr>
</tbody>
</table>
7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi không kỳ hạn</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng VND</td>
<td>2,469,512</td>
<td>1,617,338</td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng ngoại tệ</td>
<td>2,387,186</td>
<td>1,570,480</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng VND</td>
<td>5,115,012</td>
<td>5,820,850</td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng ngoại tệ</td>
<td>1,334,253</td>
<td>908,435</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td>7,604,524</td>
<td>7,438,188</td>
</tr>
</tbody>
</table>

7.2 Cho vay các TCTD khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Bằng VND</td>
<td>7,537,433</td>
<td>4,918,182</td>
</tr>
<tr>
<td>Bằng ngoại tệ</td>
<td>2,858,143</td>
<td>2,356,355</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td>10,395,576</td>
<td>7,274,537</td>
</tr>
</tbody>
</table>

7.3 Chất lượng dự nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Phân tích chất lượng dự nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cho vay các TCTD khác như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhóm nợ</th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nợ đủ tiêu chuẩn</td>
<td>15,510,588</td>
<td>13,095,387</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. **CHỦNG KHOẢN KINH DOANH**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Chứng khoán Nợ</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Trái phiếu Chinh phǔ</td>
<td>2.150.218</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành</td>
<td>-</td>
<td>104.414</td>
</tr>
<tr>
<td>- Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành</td>
<td>1.247.728</td>
<td>1.738.431</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</strong></td>
<td>(9.387)</td>
<td>(9.105)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trong đó: Dự phòng chung chứng khoán nợ</td>
<td>(9.387)</td>
<td>(9.105)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>3.388.559</strong></td>
<td><strong>1.833.740</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tính hình biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giải đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giải đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>9.105</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng trong kỳ (Thuyết Minh 27)</td>
<td>282</td>
<td>6.317</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td><strong>9.387</strong></td>
<td><strong>6.317</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tính trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Chứng khoán Nợ</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Đả niêm yết</td>
<td>2.150.218</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Chưa niêm yết</td>
<td>1.247.728</td>
<td>1.842.845</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>3.397.946</strong></td>
<td><strong>1.842.845</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</td>
<td>126.107.980</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ cổ phiếu</td>
<td>1.732.326</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay bằng vốn tái đầu tư, ước thực đầu tư</td>
<td>375.108</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản trả thay khách hàng</td>
<td>21.027</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài</td>
<td>2.890</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>128.239.331</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

9.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>%</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ đủ tiêu chuẩn</td>
<td>122.494.077</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ cần chốt ý</td>
<td>3.360.591</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ điều kiện chuẩn</td>
<td>468.253</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ ngân hàng</td>
<td>526.721</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ có khả năng mất vốn</td>
<td>1.389.689</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>128.239.331</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Theo báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của Ngân hàng gửi NHNN, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh 4.5 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Phân du nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)</td>
<td>1.445.285</td>
</tr>
<tr>
<td>Phân du nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 2 (Nợ cần chốt ý)</td>
<td>787</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>1.446.052</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

9.2. Phân tích dự nợ theo thời gian cho vay gốc

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>%</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ ngân hàng</td>
<td>37.729.963</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ trưng hạn</td>
<td>49.837.110</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ dài hạn</td>
<td>40.672.258</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>128.239.331</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
10. **DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG**

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Dự phòng dự tính trong kỳ (Thuyết minh 32)</th>
<th>Dự phòng tổng cộng</th>
<th>Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Tai ngày 1/1/2016</strong></td>
<td>411.183</td>
<td>759.951</td>
<td>1.171.134</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng rủi ro trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>3.099.423</td>
<td>247.940</td>
<td>3.347.363</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>(87.782)</td>
<td>(87.649)</td>
<td>(175.431)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro</td>
<td>(2.909.546)</td>
<td></td>
<td>(2.909.546)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tai ngày 30/6/2016</strong></td>
<td>513.278</td>
<td>920.242</td>
<td>1.433.520</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Dự phòng dự tính trong kỳ (Thuyết minh 32)</th>
<th>Dự phòng tổng cộng</th>
<th>Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Tai ngày 1/1/2015</strong></td>
<td>396.382</td>
<td>563.395</td>
<td>959.777</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng rủi ro trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>919.914</td>
<td>204.315</td>
<td>1.124.229</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>(107.797)</td>
<td>(107.501)</td>
<td>(215.298)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro</td>
<td>(837.932)</td>
<td></td>
<td>(837.932)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tai ngày 30/6/2015</strong></td>
<td>370.567</td>
<td>660.209</td>
<td>1.030.776</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

11. CHÚNG KHOẢN ĐẦU TƯ

11.1 Chúng khoản đầu tư sẵn sàng để bán

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triệu đōng</td>
<td>triệu đōng</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ</td>
<td>38,950,046</td>
<td>38,528,012</td>
</tr>
<tr>
<td>Trái phiếu Chính phủ</td>
<td>17,499,110</td>
<td>19,461,753</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành</td>
<td>13,153,580</td>
<td>11,538,256</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ do các TCKT khác trong nước phát hành</td>
<td>8,297,356</td>
<td>7,528,003</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</td>
<td>(83,162)</td>
<td>(89,865)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng chung</td>
<td>(83,162)</td>
<td>(89,865)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>38,866,884</td>
<td>38,438,147</td>
</tr>
</tbody>
</table>

11.2 Chúng khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triệu đōng</td>
<td>triệu đōng</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ</td>
<td>3,119,303</td>
<td>3,160,355</td>
</tr>
<tr>
<td>Trái phiếu Chính phủ</td>
<td>873,069</td>
<td>874,355</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành</td>
<td>30,002</td>
<td>30,000</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán Nợ do các TCKT khác trong nước phát hành</td>
<td>2,216,242</td>
<td>2,256,000</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</td>
<td>(16,622)</td>
<td>(16,920)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng chung</td>
<td>(16,622)</td>
<td>(16,920)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>3,102,681</td>
<td>3,143,435</td>
</tr>
</tbody>
</table>

11.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triệu đōng</td>
<td>triệu đōng</td>
</tr>
<tr>
<td>Mệnh giá trái phiếu đặc biệt</td>
<td>3,416,157</td>
<td>3,741,995</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng trái phiếu đặc biệt</td>
<td>(1,265,328)</td>
<td>(1,021,983)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>2,150,829</td>
<td>2,720,012</td>
</tr>
</tbody>
</table>

11.4 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân tích chất lượng chứng khoán (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Phân loại</th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triệu đōng</td>
<td>triệu đōng</td>
</tr>
<tr>
<td>Nợ đủ tiêu chuẩn</td>
<td>42,069,349</td>
<td>41,688,367</td>
</tr>
</tbody>
</table>

33
Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

11. CHUNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.5 Dự phòng rủi ro chung khoản đầu tư

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triều đồng</td>
<td>triều đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)</td>
<td>99.784</td>
<td>106.785</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC (**)</td>
<td>1.265.328</td>
<td>1.021.983</td>
</tr>
<tr>
<td>**</td>
<td></td>
<td>1.365.112</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) Tính hình biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tai ngày 1/1/2016        106.785
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 28)        (7.001)
Tai ngày 30/6/2016        99.784

Tính hình biến động dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2015</th>
<th>30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triều đồng</td>
<td>triều đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Dù phong chung trái phiếu</td>
<td>140.272</td>
<td>319.247</td>
</tr>
<tr>
<td>Chì phí dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 28)</td>
<td>52.507</td>
<td>23.820</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 28)</td>
<td>(78.543)</td>
<td>(50.884)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dự phòng đã sử dụng</td>
<td>-</td>
<td>(124.708)</td>
</tr>
<tr>
<td>**</td>
<td>114.236</td>
<td>167.475</td>
</tr>
<tr>
<td>**</td>
<td>281.711</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(**) Tính hình biến động dự phòng trái phiếu VAMC như sau

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>1/1/2015</th>
<th>1/1/2016</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triều đồng</td>
<td>triều đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Sơ du đầu kỳ</td>
<td>1.021.983</td>
<td>463.635</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lấp dự phòng trái phiếu VAMC trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>243.345</td>
<td>238.946</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>1.265.328</td>
<td>702.581</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN DO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

12. GÒP VÓN, DÀU TƯ DÀI HÀN

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư vào các công ty con – giá gốc</td>
<td>2.181.412</td>
<td>2.181.412</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư đại hạn khác – giá gốc</td>
<td>581.412</td>
<td>598.572</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư đại hạn</td>
<td>(4.384)</td>
<td>(4.079)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

2.758.440  2.775.905

12.1 Đầu tư vào các công ty con

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>tỷ lệ nam giới</td>
<td>tỷ lệ nam giới</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>đầu tư</td>
<td>đầu tư</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</td>
<td>100</td>
<td>1.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thượng mai</td>
<td>100</td>
<td>410.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phần Kỹ thương Việt Nam</td>
<td>100</td>
<td>40.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương</td>
<td>100</td>
<td>731.412</td>
</tr>
</tbody>
</table>

2.181.412  2.181.412

12.2 Đầu tư đại hạn khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>tỷ lệ nam giới</td>
<td>tỷ lệ nam giới</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>%</td>
<td>%</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>2,28</td>
<td>570.405</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Đầu tư TCO Việt Nam</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Đầu tư PCB</td>
<td>6,64</td>
<td>7.962</td>
</tr>
<tr>
<td>Hiệp hội Viên thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới</td>
<td>0,00</td>
<td>1.005</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty Đầu tư và Tư vấn Dịch vụ Ngân hàng</td>
<td>9,87</td>
<td>1.040</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Chuyên mach Tài chính Quóc gia</td>
<td>0,52</td>
<td>1.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP phát triển Dư án Techcom Developer</td>
<td>-</td>
<td>11,00</td>
</tr>
</tbody>
</table>

581.412  598.572

12.3 Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư đại hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>4.079</td>
<td>3.842</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng trích lập trong kỳ (Thuyết minh 31)</td>
<td>305</td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Số dư cuối kỳ

4.384  3.842
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÀO CÁO TÀI CHÍNH RIÉNG GIỮA NIỀN ÙO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

13.1. Tài sản có định hữu hình

Biến động của tài sản có định hữu hình trong giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhà cửa, vật kiến trúc</th>
<th>Máy móc thiết bị</th>
<th>Phương tiện vận tải</th>
<th>Don vị; triệu đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Nguyên giá</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>103.342</td>
<td>1.064.200</td>
<td>130.880</td>
</tr>
<tr>
<td>Mua trong kỳ</td>
<td>107.223</td>
<td>35.840</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>(208)</td>
<td>(778)</td>
<td>(911)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khạc</td>
<td>-</td>
<td>(697)</td>
<td>(91)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>210.357</td>
<td>1.098.565</td>
<td>129.969</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị hao mòn luỹ kế</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>15.783</td>
<td>703.844</td>
<td>57.799</td>
</tr>
<tr>
<td>Khấu hao trong kỳ</td>
<td>1.924</td>
<td>62.245</td>
<td>6.318</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>(208)</td>
<td>(748)</td>
<td>(302)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khạc</td>
<td>-</td>
<td>(575)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>17.499</td>
<td>764.766</td>
<td>63.815</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị còn lại</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày đầu kỳ</td>
<td>87.559</td>
<td>360.356</td>
<td>73.081</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày cuối kỳ</td>
<td>192.858</td>
<td>333.799</td>
<td>86.154</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Biến động của tài sản có định hữu hình trong năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhà cửa, vật kiến trúc</th>
<th>Máy móc thiết bị</th>
<th>Phương tiện vận tải</th>
<th>Don vị; triệu đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Nguyên giá</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu năm</td>
<td>105.775</td>
<td>1.083.388</td>
<td>132.828</td>
</tr>
<tr>
<td>Mua trong năm</td>
<td>25.040</td>
<td>38.876</td>
<td>10.218</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>(27.415)</td>
<td>(24.485)</td>
<td>(12.166)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khạc</td>
<td>(58)</td>
<td>(33.579)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối năm</td>
<td>103.342</td>
<td>1.064.200</td>
<td>130.880</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị hao mòn luỹ kế</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu năm</td>
<td>12.794</td>
<td>618.868</td>
<td>52.245</td>
</tr>
<tr>
<td>Khấu hao trong năm</td>
<td>3.780</td>
<td>137.448</td>
<td>13.500</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>(733)</td>
<td>(24.267)</td>
<td>(7.466)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khạc</td>
<td>(58)</td>
<td>(28.205)</td>
<td>(480)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối năm</td>
<td>15.783</td>
<td>703.844</td>
<td>57.799</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị còn lại</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày đầu năm</td>
<td>92.981</td>
<td>464.520</td>
<td>80.583</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài ngày cuối năm</td>
<td>87.559</td>
<td>360.356</td>
<td>73.081</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các thông tin khác về tài sản có định hữu hình

30/6/2016

triệu đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết những vẫn còn sử dụng 239.126
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIENG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

13.2 Tài sản có định vô hình

Biện động của tài sản có định vô hình trong giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Phần mềm</th>
<th>Quyền sử dụng</th>
<th>TSCĐ</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>viên tính</td>
<td>đât có thời hạn</td>
<td>vô hình khác</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>632.930</td>
</tr>
<tr>
<td>Mua trong kỳ</td>
<td>62.017</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>(5.107)</td>
</tr>
<tr>
<td>Sổ dư cuối kỳ</td>
<td>689.840</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị hao mòn lũy kế

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Sổ dư đầu kỳ</td>
<td>317.242</td>
</tr>
<tr>
<td>Hao mòn trong kỳ</td>
<td>39.582</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Sổ dư cuối kỳ</td>
<td>356.824</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị còn lại

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tai ngày đầu kỳ</td>
<td>315.688</td>
</tr>
<tr>
<td>Tai ngày cuối kỳ</td>
<td>333.016</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Biện động của tài sản có định vô hình trong năm 2015 như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Phần mềm</th>
<th>Quyền sử dụng</th>
<th>TSCĐ</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>viên tính</td>
<td>đât có thời hạn</td>
<td>vô hình khác</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Sổ dư đầu năm</td>
<td>591.595</td>
</tr>
<tr>
<td>Mua trong năm</td>
<td>44.560</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>(3.225)</td>
</tr>
<tr>
<td>Sổ dư cuối năm</td>
<td>632.930</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị hao mòn lũy kế

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Sổ dư đầu năm</td>
<td>240.654</td>
</tr>
<tr>
<td>Hao mòn trong năm</td>
<td>76.588</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Sổ dư cuối năm</td>
<td>317.242</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị còn lại

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tai ngày đầu năm</td>
<td>350.941</td>
</tr>
<tr>
<td>Tai ngày cuối năm</td>
<td>315.688</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các thông tin khác về tài sản có định vô hình

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Đơn vị: triều đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>TSCĐ với hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</td>
<td>25.538</td>
</tr>
</tbody>
</table>

30/6/2016

triệu đồng

37
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÂU TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Cá các khoản phải thu</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải thu nội bộ</td>
<td>60,505</td>
<td>40,499</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải thu bên ngoài</td>
<td>6,763,389</td>
<td>10,082,238</td>
</tr>
<tr>
<td>- Đất cọc thuê văn phòng (i)</td>
<td>674,229</td>
<td>721,066</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phí thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất</td>
<td>20,050</td>
<td>20,050</td>
</tr>
<tr>
<td>- Trả trước cho người bán</td>
<td>49,237</td>
<td>47,919</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các khoản tiền đất cọc cho các giao dịch vãng, hàng hóa và ngoài tiền tệ trên thị trường tương lai</td>
<td>126,749</td>
<td>55,442</td>
</tr>
<tr>
<td>- Xây dựng cơ bản đã đăng</td>
<td>170,350</td>
<td>184,523</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phí thu từ hợp đồng bán nợ (ii)</td>
<td>4,072,610</td>
<td>6,801,015</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phí thu từ dịch vụ thay đổi ngắn hạn trả chậm (iii)</td>
<td>1,439,387</td>
<td>1,791,534</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các khoản phải thu khác từ bên ngoài</td>
<td>210,777</td>
<td>450,689</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản lãi, phí phải thu</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tải sản Có khác</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Vật liệu</td>
<td>516,891</td>
<td>551,421</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chi phí trả trước</td>
<td>496,307</td>
<td>528,566</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác (iv)</td>
<td>(1,673,178)</td>
<td>(2,586,740)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>9,999,645</td>
<td>11,124,470</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(i) Đây là các khoản đất cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thẻ văn phòng làm trụ sở, chi nhánh, trong đó khoản lớn nhất là đất cọc cho toà nhà Lim Tower làm Hội sở chính Miền Nam của Ngân hàng tại số 9 -11 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 392 tỷ đồng.

(ii) Phí thu từ hợp đồng bán nợ là các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép.

(iii) Phí thu từ dịch vụ thụ tin đăng nhập hàng trả chậm là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là các ngân hàng từ dịch vụ thanh toán trước bì chung dưới trả chậm theo thời tin đăng nhập hàng qua ngân hàng phát hành. Sản phẩm này được thực hiện theo cập nhật của NHNNVN tại Công văn số 5698/NHNN-TĐ. Theo đó, Ngân hàng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bì chung từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước từ 1,00% đến 6,00% giá trị thanh toán trước. Thời hạn thanh toán thông thường từ 1 tháng đến 12 tháng.

(iv) Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bộ khác bao gồm dự phòng cho hàng tồn kho, các khoản phải thu quá hạn, phí thu từ dịch vụ thụ tin đăng nhập hàng trả chậm và phí thu từ hợp đồng bán nợ:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Dự phòng rủi ro thanh toán</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Dự phòng chứng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Dự phòng cu thẻ</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng rủi ro khác</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>1,673,178</td>
<td>2,586,740</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ</td>
<td>2,586,740</td>
<td>783,951</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập/(hoàn nhập) du phòng cho các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ trong kỳ (Thuyết minh 32)</td>
<td>(922,589)</td>
<td>1,021,563</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập du phòng chung cho các khoản phải thu từ dịch vụ thu tín dụng nhập hàng trả chậm (Thuyết minh 32)</td>
<td>9,920</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập du phòng cho hàng tồn kho (Thuyết minh 31)</td>
<td>(893)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập du phòng cho các tài sản có khác (Thuyết minh 31)</td>
<td>-</td>
<td>249</td>
</tr>
<tr>
<td>Xử lý rủi ro</td>
<td>-</td>
<td>(14,334)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>1,673,178</td>
<td>1,791,429</td>
</tr>
</tbody>
</table>

15. TIÊN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

15.1 Tiền gửi của các TCTD khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>31/12/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi không kỳ hạn</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng VND</td>
<td>192,460</td>
<td>227,645</td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng ngoại tệ</td>
<td>191,882</td>
<td>186,236</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng VND</td>
<td>23,293,232</td>
<td>8,146,562</td>
</tr>
<tr>
<td>- Bằng ngoại tệ</td>
<td>5,708,852</td>
<td>3,191,562</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>23,485,692</td>
<td>8,374,207</td>
</tr>
</tbody>
</table>

15.2 Vay các TCTD khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016 (triệu đồng)</th>
<th>31/12/2015 (triệu đồng)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Bằng VND</td>
<td>6,308,872</td>
<td>10,649,317</td>
</tr>
<tr>
<td>Bằng ngoại tệ</td>
<td>1,701,972</td>
<td>2,017,466</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>8,010,844</td>
<td>12,666,783</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

*Thuyết minh theo loại hình tiền gửi*

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi không ký hạn</td>
<td>28.425.363</td>
<td>27.316.505</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi không ký hạn bằng VND</td>
<td>24.815.292</td>
<td>24.388.018</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi không ký hạn bằng ngoại tệ</td>
<td>3.610.071</td>
<td>2.928.487</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn</td>
<td>120.610.879</td>
<td>113.434.766</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND</td>
<td>111.899.537</td>
<td>103.196.436</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ</td>
<td>8.711.342</td>
<td>10.238.330</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền kỳ quỹ</td>
<td>2.428.842</td>
<td>2.549.801</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi kỳ quỹ bằng VND</td>
<td>2.052.965</td>
<td>2.049.976</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi kỳ quỹ bằng ngoại tệ</td>
<td>375.877</td>
<td>499.825</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>151.465.084</strong></td>
<td><strong>143.301.072</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

17. CÁC CỘNG CỰ TÀI CHÍNH PHẢI SINH VÀ NỘI PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

*Đơn vị: triệu đồng*

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng giá trị của hợp đồng</td>
<td>43.702.560</td>
<td>(139.517)</td>
</tr>
<tr>
<td>Giao dịch kỳ hạn tiền tệ</td>
<td>11.518.045</td>
<td>6.945</td>
</tr>
<tr>
<td>Giao dịch hoàn đổi tiền tệ</td>
<td>32.184.515</td>
<td>(146.462)</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng giá trị của hợp đồng</td>
<td>37.071.259</td>
<td>(85.891)</td>
</tr>
<tr>
<td>Ghi sổ kế toán</td>
<td>(73.730)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Ghi sổ kế toán</td>
<td>(12.161)</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tổng giá trị của hợp đồng là giá trị được quy đổi theo tỷ giá tại ngày hiệu lực hợp đồng.

Tổng giá trị ghi sổ kế toán là giá trị tài sản/nợ phải trả thuận theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÉNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
trong năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

18. VÔN TÀI TRỢ, ƯYmd THẮC DÀU TƯ, CHƠ VAY CHUẨN RỦI RO

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Vốn tài trợ, ửỹ trách đầu tư, cho vay bằng VND
- Dự án tín dụng Quốc tế với Ngân hàng Hợp tác Quốc Tế Nhật bản 158.007
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam 399.999

**Tổng** 558.006 336.421

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân lô theo kỳ hạn như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
</tr>
</tbody>
</table>

| Đời 12 tháng (i) | 10.107 | 145.167 |
| Từ 12 tháng đến 5 năm (ii) | 1.150.000 | 1.150.000 |
| Trên 5 năm (iii) | 3.890.288 | 3.889.709 |
| Phạt hàn trái phiếu chuyển đổi (iv) | 3.000.000 | 3.000.000 |

**Tổng** 8.050.395 8.184.896

(i) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 6,70% đến 6,85% (2015: 6,00% đến 7,05%).
(ii) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 7,00% đến 7,90% (2015: 7,00% đến 7,90%).
(iii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất năm khoảng từ 8,20% đến 8,80% (2015: 8,20% đến 8,80%).
(iv) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu chuyển đổi phát hành cho các cổ đông hiện tại của Ngân hàng với kỳ hạn 10 năm. Trái phiếu phát hành năm 2010 và có lãi suất cho 5 năm đầu tiên của lãi suất trái phiếu là 0,00%. Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15,00%/năm hoặc lãi suất trên áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trên đảo hơn hơn 15,00%. Cổ đông nam giới trái phiếu chuyển đổi này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Tỷ lệ chuyển đổi ban đầu là 17.188.38 VND được một cổ phiếu phổ thông, có mệnh giá 10.000 VND tại ngày phát hành. Sau khi Ngân hàng phát hành cổ phiếu thường trong năm 2011, tỷ lệ chuyển đổi giảm xuống 13.683,04 VND được một cổ phiếu phổ thông do các điều khoản chung phân loa của trái phiếu chuyển đổi (Xem thêm Thuyết minh khoản 22.3).
20. CÁC KHOẢN NỘI KHÁC

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Các khoản lãi, phí phải trả</strong></td>
<td>2,490,765</td>
<td>2,090,360</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Các khoản phải trả và công nợ khác</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải trả nội bộ</td>
<td>1,914,897</td>
<td>1,655,653</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải trả bên ngoài</td>
<td>174,139</td>
<td>194,232</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển tiền phải trả</td>
<td>1,740,758</td>
<td>1,461,421</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phí trả nhân viên</td>
<td>263,048</td>
<td>86,783</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các khoản phải trả hỗ trợ tổ chức tín dụng khác</td>
<td>155,680</td>
<td>231,031</td>
</tr>
<tr>
<td>- Thuê phải trả (i)</td>
<td>215,099</td>
<td>201,377</td>
</tr>
<tr>
<td>- Doanh thu chưa thực hiện</td>
<td>72,554</td>
<td>62,758</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chi phí richt trước</td>
<td>316,087</td>
<td>411,166</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phí trả các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi</td>
<td>6,436</td>
<td>3,524</td>
</tr>
<tr>
<td>- Quyết khen thưởng, phúc lợi</td>
<td>8,960</td>
<td>12,181</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tiền đã giải ngân chưa thanh toán (ii)</td>
<td>47,413</td>
<td>42,235</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tiền giữ hộ và đối với thanh toán</td>
<td>165,263</td>
<td>135,226</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các khoản phải trả khác</td>
<td>345,007</td>
<td>117,681</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<p>| | | |</p>
<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th></th>
<th></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>4,405,662</td>
<td>3,746,013</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(i) Thuê phải trả:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thuế giá trị gia tăng (&quot;GTGT&quot;)</td>
<td>10,657</td>
<td>14,653</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế thu nhập doanh nghiệp (&quot;TNDN&quot;)</td>
<td>194,209</td>
<td>130,285</td>
</tr>
<tr>
<td>Các loại thuế khác</td>
<td>10,233</td>
<td>12,521</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<p>| | | |</p>
<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th></th>
<th></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>215,099</td>
<td>157,459</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các khoản thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 21.

(ii) Đây là các khoản tiền đã giải ngân cho khách hàng theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết nhưng chưa thực hiện thanh toán hoặc chuyển vào các tài khoản bên thu hưởng. Các khoản chờ thanh toán đã được thanh toán trong tháng 7 năm 2016.
THUYẾT MINH BẢO CÃO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

21. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số dư đầu kỳ</th>
<th>Phạt sinh trong kỳ</th>
<th>Số dư cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thuế GTGT</td>
<td>14.653</td>
<td>53.912</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế TNDN</td>
<td>130.285</td>
<td>230.101</td>
</tr>
<tr>
<td>Các loại thuế khác</td>
<td>12.521</td>
<td>116.642</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế phải trả</td>
<td>157.459</td>
<td>400.655</td>
</tr>
</tbody>
</table>

21.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thuế nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc chi trả cho chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được ước tính như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trực tiếp</td>
<td>1.311.762</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trực tiếp (cumulative)</td>
<td>(162.789)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trực tiếp (cumulative)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập chịu thuế TNDN</td>
<td>1.148.973</td>
</tr>
</tbody>
</table>

21.2 Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng giảm từ 22% xuống 20% do thay đổi trong luật thuế thu nhập cổ hiểu lục.
Ngân hàng TMCP Ký thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 về cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

22. VÕN VÀ QUỸ

22.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số dư tại ngày 1/1/2016</th>
<th>Vốn cố phần</th>
<th>Quỹ bố sung vốn cố phần</th>
<th>Quỹ dự phòng tài chính</th>
<th>Các quỹ khác</th>
<th>Tổng cộng quỹ</th>
<th>Quỹigraphy sách</th>
<th>Lợi nhuận chưa phân phối</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Lợi nhuận thuận trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>1.081.661</td>
<td>1.081.661</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng các quỹ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(125)</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>(125)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chênh lệch tỷ giá hỏi đổi</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>10.305</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số dư tại ngày 1/1/2015</th>
<th>Vốn cố phần</th>
<th>Quỹ bố sung vốn cố phần</th>
<th>Quỹ dự phòng tài chính</th>
<th>Các quỹ khác</th>
<th>Tổng cộng quỹ</th>
<th>Quỹigraphy sách</th>
<th>Lợi nhuận chưa phân phối</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Lợi nhuận thuận trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>688.090</td>
<td>688.090</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng các quỹ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(756)</td>
<td>-</td>
<td>(756)</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>(756)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích quỹ khen thưởng phục lợi</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>(10.000)</td>
<td>(10.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chênh lệch tỷ giá hỏi đổi</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>(9.747)</td>
<td>(9.747)</td>
</tr>
<tr>
<td>Biên động khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td>(782)</td>
<td>(782)</td>
</tr>
</tbody>
</table>
22. VÓN VÀ QUỸ (tiếp theo)

22.2. Vốn cỗ phân

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Vốn cỗ phân được duyệt</td>
<td>887.807.871</td>
<td>887.807.871</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn cỗ phân đã phát hành</td>
<td>887.807.871</td>
<td>887.807.871</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu phổ thông</td>
<td>887.807.871</td>
<td>887.807.871</td>
</tr>
<tr>
<td>Số cỗ phiếu đang lưu hành</td>
<td>887.807.871</td>
<td>887.807.871</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ phiếu phổ thông</td>
<td>887.807.871</td>
<td>887.807.871</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Mệnh giá của mỗi cỗ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cỗ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận một tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả các phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Nhu cầu đã đề cập tại Thuyết minh 4.15, và Thuyết minh 19, trái phiếu chuyển đổi bất buộc có thứ tự ưu tiên như cổ phiếu phổ thông đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

22.3. Thuyết minh về các công cụ tài chính phức hợp

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Trái phiếu chuyển đổi</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Giá trị caupt phân No</td>
<td>82.785</td>
<td>82.785</td>
</tr>
<tr>
<td>Giá trị caupt Vốn chủ sở hữu</td>
<td>2.917.215</td>
<td>2.917.215</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng giá trị</td>
<td>3.000.000</td>
<td>3.000.000</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Số lượng trái phiếu đã được nhà đầu tư cam kết chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông là 29.172.153 trái phiếu chiếm 97.24% tổng số lượng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành.

22.4. Cố tức

23. THU NHẬP LÀI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỤ

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thu nhập lãi tiền gửi</th>
<th>1/1/2016 đến</th>
<th>1/1/2015 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>30/6/2016</td>
<td>30/6/2015</td>
</tr>
<tr>
<td>Triệu đồng</td>
<td>125.480</td>
<td>144.822</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>5.628.569</td>
<td>4.520.389</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập lãi cho vay</td>
<td>90.657</td>
<td>48.022</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>1.665.593</td>
<td>2.062.785</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu lãi từ đầu tư chứng khoán</td>
<td>282.390</td>
<td>4.359</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu khác từ hoạt động tín dụng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>7.792.679</td>
<td>6.780.377</td>
</tr>
</tbody>
</table>

24. CHI PHÍ LÀI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỤ

<table>
<thead>
<tr>
<th>Trả lãi tiền gửi</th>
<th>1/1/2016 đến</th>
<th>1/1/2015 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>30/6/2016</td>
<td>30/6/2015</td>
</tr>
<tr>
<td>Triệu đồng</td>
<td>3.188.590</td>
<td>2.839.541</td>
</tr>
<tr>
<td>Trả lãi tiền vay</td>
<td>187.257</td>
<td>182.273</td>
</tr>
<tr>
<td>Trả lãi phát hành giấy tờ có giá</td>
<td>219.322</td>
<td>146.006</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>3.595.169</td>
<td>3.167.820</td>
</tr>
</tbody>
</table>

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</th>
<th>1/1/2016 đến</th>
<th>1/1/2015 đến</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>30/6/2016</td>
<td>30/6/2015</td>
</tr>
<tr>
<td>Triệu đồng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ thanh toán và tiền mất</td>
<td>800.891</td>
<td>671.490</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ ngân quỹ</td>
<td>598.127</td>
<td>524.221</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ ủy thác và đại lý</td>
<td>1.022</td>
<td>2.268</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ tư vấn</td>
<td>1.234</td>
<td>1.234</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ khác</td>
<td>203.103</td>
<td>144.483</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí hoạt động dịch vụ</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>(238.479)</td>
<td>(236.294)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ thanh toán và tiền mất</td>
<td>(106.312)</td>
<td>(94.812)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí truyền thống</td>
<td>(15.940)</td>
<td>(18.891)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ ngân quỹ</td>
<td>(25.214)</td>
<td>(19.375)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ tư vấn</td>
<td>(14.099)</td>
<td>(17.675)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dịch vụ khác</td>
<td>(76.914)</td>
<td>(85.541)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>562.412</td>
<td>435.196</td>
</tr>
</tbody>
</table>
### 26. LAI THUAN TUt HOAT DO NGH KINH DOANH NGOAI Hoi

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giai doan tu 1/1/2016 den 30/6/2016 (trieu dong)</th>
<th>Giai doan tu 1/1/2015 den 30/6/2015 (trieu dong)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhap tu hoat dong kinh doanh ngoai hoi</td>
<td>467.789</td>
<td>302.413</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu tu kinh doanh ngoai tiet</td>
<td>36.683</td>
<td>83.412</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu tu cac cong cu tai chinh phai sinh tien tiet</td>
<td>432.106</td>
<td>219.001</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi hoat dong kinh doanh ngoai hoi</td>
<td>(380.051)</td>
<td>(291.540)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi ve kinh doanh ngoai tiet</td>
<td>(64.189)</td>
<td>(149.811)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi ve cac cong cu tai chinh phai sinh tien tiet</td>
<td>(315.862)</td>
<td>(141.729)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>87.738</strong></td>
<td><strong>10.873</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 27. LAI THUAN TUt MUA BAN CHUNG KHOAN KINH DOANH

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giai doan tu 1/1/2016 den 30/6/2016 (trieu dong)</th>
<th>Giai doan tu 1/1/2015 den 30/6/2015 (trieu dong)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhap tu mua ban chung khoan kinh doanh</td>
<td>53.829</td>
<td>64.648</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi tu mua ban chung khoan kinh doanh</td>
<td>(16.750)</td>
<td>(18.101)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trich lap du phong chung cho khoan kinh doanh (Thuyet minh 8)</td>
<td>(282)</td>
<td>(6.317)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>36.797</strong></td>
<td><strong>40.230</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 28. LAI THUAN TUt MUA BAN CHUNG KHOAN DAU TU

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Giai doan tu 1/1/2016 den 30/6/2016 (trieu dong)</th>
<th>Giai doan tu 1/1/2015 den 30/6/2015 (trieu dong)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhap tu mua ban chung khoan dau tu</td>
<td>163.922</td>
<td>163.893</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi tu mua ban chung khoan dau tu</td>
<td>(38.325)</td>
<td>(142.914)</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoan nhap du phong giam gia chung khoan dau tu (Thuyet minh 11.5)</td>
<td>7.001</td>
<td>53.100</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>152.598</strong></td>
<td><strong>74.079</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
29. LAI THUAN TUC HOAT DONG KHAC

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thu nhap hoat dong kinh doanh khac</th>
<th>2016</th>
<th>2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhap hoat dong kinh doanh khac</td>
<td>702,476</td>
<td>1,079,737</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu tu cac cong cu tai chinh phai sinh khac</td>
<td>221,644</td>
<td>609,438</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu hoi nong da xoa so trong nhung nam truoc</td>
<td>83,290</td>
<td>331,553</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu tu dien vu hoa nong bao hiem</td>
<td>106,101</td>
<td>12,953</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhap tu tat toan trai phi nh VAMC</td>
<td>137,830</td>
<td>15,530</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhap khac</td>
<td>153,611</td>
<td>110,263</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi hoat dong kinh doanh khac</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Chi tu cac cong cu tai chinh phai sinh khac</td>
<td>221,415</td>
<td>625,965</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi khac</td>
<td>170,839</td>
<td>583,184</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>481,061</td>
<td>453,772</td>
</tr>
</tbody>
</table>

30. THU NHAP TUC GOP VON, MUA CO PHAN

<table>
<thead>
<tr>
<th>Co tuc nhap duoc trong ky tu gop von, mua co phan</th>
<th>2016</th>
<th>2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>162,789</td>
<td>7,245</td>
</tr>
</tbody>
</table>

31. CHI PHI HOAT DONG

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thuyet minh</th>
<th>2016</th>
<th>2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Luong va cac chi phi lien quan</td>
<td>847,491</td>
<td>787,242</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi in an, ti ep th th va khuyen mai</td>
<td>78,957</td>
<td>31,960</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi thue van phong va tai san</td>
<td>294,192</td>
<td>300,423</td>
</tr>
<tr>
<td>Khau hao tai san c0 dien</td>
<td>110,229</td>
<td>118,705</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi noph thue va cac khoan phi, le phi</td>
<td>28,044</td>
<td>28,090</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi dung cu va theqt bi</td>
<td>11,211</td>
<td>8,405</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi tong tin lien lac</td>
<td>16,193</td>
<td>17,284</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi bao duong va sua chu tai san</td>
<td>94,279</td>
<td>83,936</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi dien nurc</td>
<td>21,221</td>
<td>20,277</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi bao hiem cho cac khoan than gui khach hang</td>
<td>64,222</td>
<td>61,213</td>
</tr>
<tr>
<td>Cong tac phi</td>
<td>25,186</td>
<td>20,149</td>
</tr>
<tr>
<td>Trich lap du phong giam gia gop von dau tu dai han</td>
<td>12,3</td>
<td>305</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoan lap du phong cho hang ton kho</td>
<td>14</td>
<td>(893)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trich lap du phong cho cac tai san co khac</td>
<td>14</td>
<td>249</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phi hoat dong khac</td>
<td>275,898</td>
<td>118,225</td>
</tr>
</tbody>
</table>

1,866,538 | 1,594,158
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỌC (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ DỰ PHONG RỦI RO TIN DỤNG

<table>
<thead>
<tr>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thuế</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>------</td>
<td>------------</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng công cụ thẻ</td>
<td>247.940</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng</td>
<td>(87.649)</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng công cụ thẻ cho vay khách hàng</td>
<td>3.099.423</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng cho các khoản phải thu từ dịch vụ thu tín dụng hàng trả chậm</td>
<td>(67.782)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập (hoàn nhập) dự phòng cho các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền</td>
<td>9.920</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng trả phiếu đặc biệt VAMC</td>
<td>(922.589)</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>243.345</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>2.502.608</td>
</tr>
</tbody>
</table>

33. TIEN VÀ CAC KOHAN TUONG DUONG TIEN

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi tại NHNN</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Chung khoán đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>2.840.091</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>3.432.654</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>200.036</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>7.463.765</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>13.936.546</td>
</tr>
</tbody>
</table>

34. TINH HINH THU NHAP CUUA CAN BO NHAN VIEN

<table>
<thead>
<tr>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016</th>
<th>Giai đoạn từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thuế</td>
<td>Triệu đồng</td>
</tr>
<tr>
<td>------</td>
<td>------------</td>
</tr>
<tr>
<td>I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)</td>
<td>7.225</td>
</tr>
<tr>
<td>II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Tổng quy lương</td>
<td>695.210</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Phu cap va thu nhap khac</td>
<td>152.281</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Tong thu nhap (1+2)</td>
<td>847.491</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Tieu luong bnh quan/thang</td>
<td>16</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Thu nhap bnh quan/thang</td>
<td>20</td>
</tr>
</tbody>
</table>
35. **MỤC ĐỐI TĂM TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tổng dược nợ</th>
<th>Tổng tiền gửi</th>
<th>Các cam kết</th>
<th>Kinh doanh và đầu tư</th>
<th>Chống kinh doanh</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>cho vay</td>
<td>tiền gửi</td>
<td>tín dụng</td>
<td>chung khoán</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
<td>triệu đồng</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Trong nước</td>
<td>138.634.907</td>
<td>174.950.776</td>
<td>42.540.632</td>
<td>48.883.452</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng

36. **CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO**

Phần này cung cấp chỉ thị về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chỉ thị các chính sách và phương pháp mà Ban Lãnh đạo Ngân hàng sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cung cấp những thông tin liên quan đến việc tạo ra rủi ro các hoạt động của Ngân hàng liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chỉ đạo quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; thực hiện phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí lãnh sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban kiểm toán và rủi ro ("ARCO") là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyển môn do Hội đồng Quản trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

ARCO có nhiệm vụ ban hành và giám sát thực hiện chính sách rủi ro, khuyến vi rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và phê duyệt hạn mức rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro tín dụng theo ngành, lĩnh vực, và các hạn mức rủi ro tổng thể khác của Ngân hàng.
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN DO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

37. RỮI RO TÌN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng chấp bán lẻ. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng mới Ngân hàng gập phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phân ánh trên giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Ngoài ra Ngân hàng còn gắp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng duới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ; xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng, thực hiện ra sao soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ, phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu theo hiến mục độ rủi ro tín dụng nội bộ tài của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp</td>
<td>18,000,100</td>
<td>14,712,725</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán kinh doanh – gộp</td>
<td>3,397,946</td>
<td>1,842,845</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng – gộp</td>
<td>128,239,331</td>
<td>112,509,339</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán đầu tư – gộp</td>
<td>45,485,506</td>
<td>45,430,362</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản tài chính khác – gộp</td>
<td>10,965,532</td>
<td>12,955,216</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>206,088,415</strong></td>
<td><strong>187,450,487</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

37.1. Các tài sản tài chính chưa qua hạn và chưa bị giảm giá

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa qua hạn và chưa bị giảm giá như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp</td>
<td>18,000,100</td>
<td>14,712,725</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán kinh doanh – gộp</td>
<td>3,397,946</td>
<td>1,842,845</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng – gộp</td>
<td>122,494,077</td>
<td>108,895,094</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán đầu tư – gộp</td>
<td>42,069,349</td>
<td>41,688,367</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản tài chính khác – gộp</td>
<td>6,853,202</td>
<td>6,114,481</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>192,814,674</strong></td>
<td><strong>173,253,512</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản cho vay (nhóm 1); các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
trái ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. RỦI RO TIN DỤNG (tiếp theo)

37.2. Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nỗ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày dưới đây:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Qua hạn</th>
<th>Don vi: triệu đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đưới 90 ngày</td>
<td>91-180 ngày</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng</td>
<td>1.015.347</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các khoản cho vay bị quá hạn nhưng chưa bị giảm giá do các khoản cho vay này đã được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay.

37.3. Các tài sản tài chính đã bị giảm giá

Tuổi nỗ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày dưới đây:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Qua hạn</th>
<th>Don vi: triệu đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Chưa quá hạn</td>
<td>Đưới 90 ngày</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chung khoản đầu tư</td>
<td>3.416.157</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản có khác</td>
<td>4.072.510</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng cộng</td>
<td>7.488.767</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

38.1. Rủi ro lãi suất

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của Ngân hàng do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản có nhay cảm lãi suất và tài sản nợ nhay cảm lãi suất được huy động dài trờ cho các tài sản cố định. Các hoạt động chính của Ngân hàng tạo ra rủi ro lãi suất gồm các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được dựa vào mô hình tài chính giả (Repricing Model) để phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế căn cứ trên các giả định chính:

- Tiền mặt, vảng bắc, chứng khoán kinh doanh; góp vốn đầu tư đại hạ và các tài sản cố khặc (bao gồm tài sản cố định và tài sản cố khặc) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính căn cứ vào ngày định lại lãi suất hoặc ngày đến hạn thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niêm dò của từng loại chứng khoán.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay/dùi vay các TCD;
- Các khoản tiền gửi/cho vay khach hàng; các khoản nợ Chinh phu và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản phát hành giấy tờ có giá được xác định căn cứ vào ngày định lại lãi suất hoặc ngày đến hạn thanh toán từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niêm dò.
- Thời hạn định lại lãi suất của các tài sản cố và tài sản nợ khặc được xếp loại căn cứ vào đặc điểm của từng loại tài sản.

Đố nhay đổi với lãi suất

Với giả định là các biến số khặc không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thay đổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mức tăng lãi suất (%)</th>
<th>Lợi nhuận trước thuế triệu đồng</th>
<th>Vốn chủ sở hữu triệu đồng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1,50</td>
<td>13.392</td>
<td>10.713</td>
</tr>
<tr>
<td>3,00</td>
<td>721.806</td>
<td>577.445</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Tại ngày 30/6/2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÆNG GIỮA NIỄM ĐỘ (tiếp theo)
Ở ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</th>
<th>Qua hạn</th>
<th>Không ảnh hưởng lãi suất</th>
<th>Đơn 1 tháng</th>
<th>Từ 1–3 tháng</th>
<th>Từ 3–6 tháng</th>
<th>Từ 6–12 tháng</th>
<th>Từ 1–5 năm</th>
<th>Trên 5 năm</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tài sản</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>- 2.840.091</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>- 2.840.091</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi tại NHNN</td>
<td>- 3.432.654</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>- 3.432.654</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)</td>
<td>- 2.489.512</td>
<td>3.958.371</td>
<td>7.472.241</td>
<td>855.146</td>
<td>3.427.072</td>
<td>140.759</td>
<td>18.000.100</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Chung khoán kinh doanh (*)</td>
<td>-</td>
<td>50.000</td>
<td>659.200</td>
<td>538.528</td>
<td>- 515.511</td>
<td>1.634.707</td>
<td>3.397.946</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng (*)</td>
<td>5.745.254</td>
<td>64.910.840</td>
<td>12.146.680</td>
<td>19.477.316</td>
<td>11.417.816</td>
<td>13.312.841</td>
<td>1.228.384</td>
<td>128.239.331</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Gồm vốn, đầu tư dài hạn (*)</td>
<td>- 2.762.824</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cố định</td>
<td>- 1.541.475</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cố khác (*)</td>
<td>30.720</td>
<td>11.833.103</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>11.872.823</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng tài sản</strong></td>
<td><strong>5.784.974</strong></td>
<td><strong>28.946.964</strong></td>
<td><strong>69.392.877</strong></td>
<td><strong>24.524.321</strong></td>
<td><strong>28.668.070</strong></td>
<td><strong>20.651.277</strong></td>
<td><strong>30.164.420</strong></td>
<td><strong>82.209.847</strong></td>
<td><strong>217.372.750</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Nợ phải trả

| Tiền gửi và vay các TCTD khác | - 192.480 | 29.135.700 | 1.395.310 | 637.869 | 65.038 | 65.619 | 4.540 | 31.496.536 |
| Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác       | - 133.387 | (776) | 19.440 | (12.360) | (174) | - 139.517 |
| Vốn tài trợ, ưu đãi đầu tư, cho vay chưa rút ro                  | - 6.300   | 10.247   | 11.576   | 529.240 | 643 | 558.006 |
| Phạt hành chính tổ chức khác | - 2.017.215 | 2.000 | 7.100 | 1.000 | - 2.223.080 | 2.900.000 | 8.050.395 |
| Các khoản nợ khác                                | - 4.405.622 | - | - | - | - | - | - | 4.405.622 |
| **Tổng nợ phải trả**                     | **38.427.377** | **76.096.135** | **34.785.708** | **19.630.472** | **17.524.475** | **6.724.673** | **2.926.380** | **196.115.200** |

Mức thành nhay cảm với lãi suất nội bản

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài sản</th>
<th>Qua hạn</th>
<th>Không ảnh hưởng lãi suất</th>
<th>Đơn 1 tháng</th>
<th>Từ 1–3 tháng</th>
<th>Từ 3–6 tháng</th>
<th>Từ 6–12 tháng</th>
<th>Từ 1–5 năm</th>
<th>Trên 5 năm</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tài sản</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản - nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trang thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nổi bật của Ngân hàng và các quy định của NHNNVN. Trang thái động tiền được quản lý hàng ngày và chi nhánh phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trang thái động tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Đờ nhạy đối với tỷ giá

Với giá trị là các biến số khác không thay đổi, bằng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro đó sử thay đổi tỷ giá nổi đạo đối với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tiền tệ</th>
<th>Mức tăng tỷ giá</th>
<th>Lợi nhuận trước thuế</th>
<th>Vốn chủ sở hữu</th>
<th>Trước đọng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>USD</td>
<td>1,00%</td>
<td>8.489</td>
<td>6.791</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>EUR</td>
<td>1,00%</td>
<td>433</td>
<td>346</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vàng</td>
<td>3,00%</td>
<td>971</td>
<td>777</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Bảng ở trong tiếp theo trình bày phần tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo nhóm tiền tệ được quy đổi sang VND tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016.
Ngân hàng TMCP Kỹ thuật Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giải đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

38. **RỦI RO THỊ TRƯỜNG** (tiếp theo)

38.2. **Rủi ro tiền tệ** (tiếp theo)

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</th>
<th>VND được quy đổi</th>
<th>USD được quy đổi</th>
<th>EUR được quy đổi</th>
<th>Vàng được quy đổi</th>
<th>Các nước tệ khác được quy đổi</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tài sản</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>2.160.058</td>
<td>362.994</td>
<td>75.886</td>
<td>32.365</td>
<td>208.788</td>
<td>2.840.091</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiết kiệm tại NHNN</td>
<td>3.432.507</td>
<td>147</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>3.432.654</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiết kiệm và cho vay các TCTD khác (*)</td>
<td>11.420.518</td>
<td>5.809.314</td>
<td>566.069</td>
<td>-</td>
<td>204.199</td>
<td>18.000.100</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán kinh doanh (*)</td>
<td>3.397.946</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>3.397.946</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng (*)</td>
<td>121.085.907</td>
<td>7.132.254</td>
<td>21.170</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>128.239.331</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán đầu tư (*)</td>
<td>4.548.506</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>4.548.506</td>
</tr>
<tr>
<td>Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)</td>
<td>2.762.824</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>2.762.824</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cố định</td>
<td>1.541.475</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>1.541.475</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cố khác (*)</td>
<td>10.027.418</td>
<td>1.626.970</td>
<td>323</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>11.672.823</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng tài sản</strong></td>
<td><strong>201.314.159</strong></td>
<td><strong>14.931.679</strong></td>
<td><strong>663.448</strong></td>
<td><strong>32.365</strong></td>
<td><strong>431.099</strong></td>
<td><strong>217.372.750</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Nợ phải trả

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tage</th>
<th>VND được quy đổi</th>
<th>USD được quy đổi</th>
<th>EUR được quy đổi</th>
<th>Vàng được quy đổi</th>
<th>Các nước tệ khác được quy đổi</th>
<th>Tổng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi và vay các TCTD khác</td>
<td>24.085.134</td>
<td>7.411.393</td>
<td>9</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>31.496.536</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi của khách hàng</td>
<td>138.767.794</td>
<td>11.433.245</td>
<td>662.111</td>
<td>-</td>
<td>601.934</td>
<td>151.465.084</td>
</tr>
<tr>
<td>Các công cụ tài chính phát sinh và nợ phải trả tài chính khác</td>
<td>5.307.648</td>
<td>(4.912.652)</td>
<td>(44.331)</td>
<td>-</td>
<td>(211.148)</td>
<td>139.517</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn tài trợ, ury thực đầu tư, cho vay chịu rủi ro</td>
<td>558.006</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>558.006</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Phát hành giấy tờ có giá</td>
<td>8.050.395</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>8.050.395</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản nợ khác</td>
<td>4.247.302</td>
<td>150.811</td>
<td>2.386</td>
<td>-</td>
<td>5.163</td>
<td>4.405.662</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng nợ phải trả</strong></td>
<td><strong>181.016.279</strong></td>
<td><strong>14.082.797</strong></td>
<td><strong>620.175</strong></td>
<td><strong>-</strong></td>
<td><strong>395.949</strong></td>
<td><strong>196.115.200</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Trạng thái tiền tệ nội bảng</td>
<td>20.297.880</td>
<td>848.882</td>
<td>43.273</td>
<td>32.365</td>
<td>35.150</td>
<td>21.257.550</td>
</tr>
<tr>
<td>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</td>
<td>-</td>
<td>504.381</td>
<td>(36.212)</td>
<td>-</td>
<td>15.883</td>
<td>484.052</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</strong></td>
<td><strong>20.297.880</strong></td>
<td><strong>1.353.263</strong></td>
<td><strong>7.061</strong></td>
<td><strong>32.365</strong></td>
<td><strong>51.033</strong></td>
<td><strong>21.741.602</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) : không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro
38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

38.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trung thành tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm dao hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giá định và điều kiện sau được áp dụng trong phần tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiết kiệm tại Ngân hàng Nhà nước được xổ loai tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bất buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bất buộc phụ thuộc vào thành phần và ký hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTĐ khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế hoạch của vay được gia hạn;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mùa cSeriously không có thời gian đáo hạn xắc định;
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTĐ khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và lại tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quy vống và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đáo hạn của tài sản có định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục nguồn vốn tài trợ ức thúc đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của từng khoản vốn tài trợ ức thúc đầu tư;
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xổ loai theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bằng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn như sau:
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày

### 38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 38.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<table>
<thead>
<tr>
<th>Quá hạn</th>
<th>Trong hạn</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</strong></td>
<td><strong>Đến 3 tháng</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi tại NHNN</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán炕 nhỉnh doanh (*)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán đầu tư (*)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cơ định</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tài sản cơ khác (*)</td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Nợ phải trả**

<table>
<thead>
<tr>
<th><strong>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</strong></th>
<th><strong>Đến 3 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 3 tháng</strong></th>
<th><strong>Đến 1 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 1–3 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 3–12 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 1–5 năm</strong></th>
<th><strong>Trên 5 năm</strong></th>
<th><strong>Tổng</strong></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền gửi và vay các TCTD khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>29.351.865</td>
<td>1.371.605</td>
<td>702.907</td>
<td>65.619</td>
<td>4.540</td>
<td>31.498.536</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi của khách hàng</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>75.467.729</td>
<td>29.475.376</td>
<td>31.663.336</td>
<td>14.834.766</td>
<td>23.877</td>
<td>151.468.084</td>
</tr>
<tr>
<td>Các công cụ tài chính phát sinh và nợ phải trả tài chính khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>115.171</td>
<td>(37.858)</td>
<td>61.652</td>
<td>552</td>
<td>-</td>
<td>139.517</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn tài trợ, ửy thác đầu tư, cho vay chiếu rủi ro</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>8.300</td>
<td>21.824</td>
<td>529.239</td>
<td>643</td>
<td>558.006</td>
</tr>
<tr>
<td>Phạt hành vi gây tổ cọ già</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>2.007</td>
<td>7.100</td>
<td>1.000</td>
<td>4.150.000</td>
<td>3.890.288</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản nợ khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>2.541.694</td>
<td>684.076</td>
<td>855.801</td>
<td>299.631</td>
<td>24.460</td>
<td>4.403.662</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Mức chênh thanh khoản ròng**

<table>
<thead>
<tr>
<th><strong>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</strong></th>
<th><strong>Đến 3 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 3 tháng</strong></th>
<th><strong>Đến 1 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 1–3 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 3–12 tháng</strong></th>
<th><strong>Trên 1–5 năm</strong></th>
<th><strong>Trên 5 năm</strong></th>
<th><strong>Tổng</strong></th>
</tr>
</thead>
</table>

(*) không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

39. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

**Don vị: triệu đồng**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Giá trị ghi sổ</th>
<th>Tài sản/Công nợ khác</th>
<th>Tính toán giá trị ghi sổ</th>
<th>Tổng cộng giá trị ghi sổ</th>
<th>Giá trị hợp lý</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh</td>
<td>Giữ đến ngày đáo hạn</td>
<td>Cho vay và phi lãi</td>
<td>Sản sàng để bán</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt, vàng bạc</td>
<td>-</td>
<td>2.840.091</td>
<td>-</td>
<td>2.840.091</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi tại NHNN</td>
<td>-</td>
<td>3.432.654</td>
<td>-</td>
<td>3.432.654</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</td>
<td>-</td>
<td>18.000.100</td>
<td>-</td>
<td>18.000.100</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán kinh doanh</td>
<td>3.397.946</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>3.397.946</td>
</tr>
<tr>
<td>Cho vay khách hàng</td>
<td>-</td>
<td>128.239.331</td>
<td>-</td>
<td>128.239.331</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán sản phẩm để bán</td>
<td>-</td>
<td>38.950.046</td>
<td>-</td>
<td>38.950.046</td>
</tr>
<tr>
<td>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</td>
<td>6.535.460</td>
<td>-</td>
<td>2.762.824</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Gối vốn, đầu tư dài hạn</td>
<td>-</td>
<td>10.965.532</td>
<td>-</td>
<td>10.965.532</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi và vay các TCTD khác</td>
<td>-</td>
<td>6.535.460</td>
<td>163.477.708</td>
<td>163.477.708</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi của khách hàng</td>
<td>-</td>
<td>31.496.536</td>
<td>151.465.084</td>
<td>151.465.084</td>
</tr>
<tr>
<td>Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác</td>
<td>139.517</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>139.517</td>
</tr>
<tr>
<td>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>558.006</td>
<td>558.006</td>
</tr>
<tr>
<td>Phát hành giấy tờ có giá</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>8.050.395</td>
<td>8.050.395</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản nợ tài chính khác</td>
<td>-</td>
<td>4.118.009</td>
<td>-</td>
<td>4.118.009</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng cộng</strong></td>
<td>139.517</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>195.688.030</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

40. BÁO CÁO BỘ PHÂN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Chi tiều</th>
<th>Miền Bắc (*)</th>
<th>Miền Trung</th>
<th>Miền Nam</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>I. Doanh thu</td>
<td>12.446.399</td>
<td>269.456</td>
<td>7.829.456</td>
<td>20.545.311</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Doanh thu lãi</td>
<td>10.359.914</td>
<td>247.413</td>
<td>7.566.288</td>
<td>18.173.615</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ</td>
<td>6.538.882</td>
<td>181.790</td>
<td>1.072.007</td>
<td>7.792.679</td>
</tr>
<tr>
<td>II. Chi phí</td>
<td>565.730</td>
<td>17.808</td>
<td>217.353</td>
<td>800.891</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Chi phí tài</td>
<td>1.520.755</td>
<td>4.235</td>
<td>45.815</td>
<td>1.570.805</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Chi phí khác hao TSCĐ</td>
<td>(2.575.530)</td>
<td>(98.383)</td>
<td>(921.256)</td>
<td>(3.585.169)</td>
</tr>
<tr>
<td>Kế quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro</td>
<td>3.686.142</td>
<td>72.825</td>
<td>55.403</td>
<td>3.814.370</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí dự phòng rủi ro</td>
<td>(2.367.674)</td>
<td>(9.678)</td>
<td>(125.256)</td>
<td>(2.502.608)</td>
</tr>
<tr>
<td>Kế quả kinh doanh bộ phận</td>
<td>1.318.468</td>
<td>63.147</td>
<td>(69.853)</td>
<td>1.311.762</td>
</tr>
</tbody>
</table>

| III. Tài sản | 170.384.443 | 3.431.863 | 39.070.863 | 212.887.169 |
| 1. Tiền mặt, vàng bạc | 1.570.577 | 143.416 | 1.126.096 | 2.840.091 |
| 2. Tài sản cố định | 1.533.844 | 1.211 | 6.420 | 1.541.475 |
| 3. Tài sản khác | 167.290.022 | 3.287.236 | 37.938.345 | 208.505.603 |
| IV. Nợ phải trả | 141.283.014 | 5.352.901 | 49.479.285 | 196.115.200 |
| 1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài | 141.117.360 | 5.346.231 | 49.478.470 | 195.941.061 |
| 2. Nợ phải trả nội bộ | 165.654 | 7.670 | 815 | 174.139 |

(*) Hội Sứ chính Ngân hàng thuộc khu vực miền Bắc đã thực hiện chi các khoản chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phản bộ cho các đơn vị khác.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÈNG GIỮA NIÊN ĐỐ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

41. CÁC SUlage KIEN SAU NGÀY KẾT THÚC KY KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐÖ)

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trong yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trong yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính riんng giữa niên độ.

42. TÝ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TÊ SƠ VỚI VND VÀO THỜI DIỆM KẾT THÚC KY KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐÖ

<table>
<thead>
<tr>
<th>30/6/2016</th>
<th>31/12/2015</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>dông</strong></td>
<td><strong>dông</strong></td>
</tr>
<tr>
<td>AUD</td>
<td>16.192</td>
</tr>
<tr>
<td>CAD</td>
<td>16.267</td>
</tr>
<tr>
<td>CHF</td>
<td>22.444</td>
</tr>
<tr>
<td>CNY</td>
<td>3.301</td>
</tr>
<tr>
<td>DKK</td>
<td>3.280</td>
</tr>
<tr>
<td>EUR</td>
<td>24.141</td>
</tr>
<tr>
<td>GBP</td>
<td>28.117</td>
</tr>
<tr>
<td>HKD</td>
<td>2.745</td>
</tr>
<tr>
<td>JPY</td>
<td>215</td>
</tr>
<tr>
<td>NOK</td>
<td>2.616</td>
</tr>
<tr>
<td>SEK</td>
<td>2.602</td>
</tr>
<tr>
<td>SGD</td>
<td>16.344</td>
</tr>
<tr>
<td>THB</td>
<td>618</td>
</tr>
<tr>
<td>USD</td>
<td>21.873</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Người lập: [Signature]

Người phê duyệt: [Signature]

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
phụ trách điều hành
KhoiTài chính và Kế hoach

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2016